



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

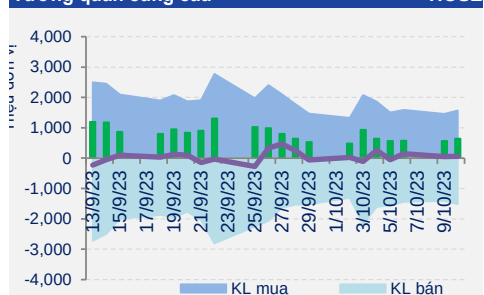
10/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

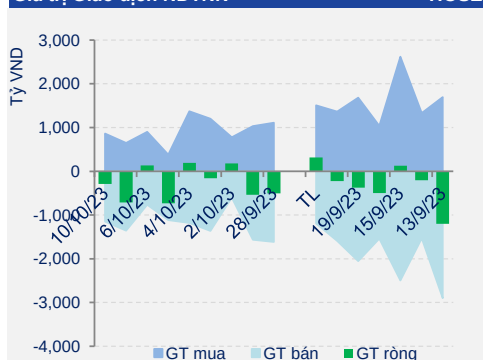
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,143.69	234.17
% Thay đổi	↑ 0.56%	↑ 0.27%
KLGD (CP)	637,608,227	99,499,544
GTGD (tỷ đồng)	15,322.74	1,847.47
Tổng cung (CP)	1,510,674,515	151,534,600
Tổng cầu (CP)	1,574,959,703	132,835,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,237,423	335,747
KL mua (CP)	24,807,856	1,648,430
GT mua (tỷ đồng)	860.65	56.87
GT bán (tỷ đồng)	1,146.87	6.77
GT ròng (tỷ đồng)	(286.22)	50.11

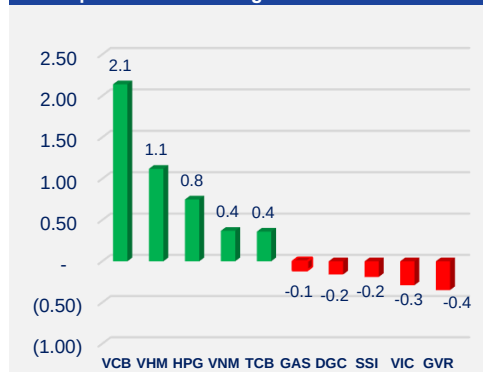
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên diễn biến tăng điểm trước, VN-INDEX phiên giao dịch hôm nay đầu phiên tạo khoảng trống tăng giá lên vùng giá 1.150 điểm với thanh khoản cải thiện, sau đó áp lực bán gia tăng trong phiên chiều khi lượng cổ phiếu bắt đáy giá thấp ngày 06/10/2023 về tài khoản, dẫn đến nhiều mã, nhóm mã chịu áp lực điều chỉnh giảm điểm. VN-INDEX điều chỉnh nhẹ trong phiên, kết phiên vẫn duy trì tăng 6,33 điểm (0,56%) so với phiên trước lên mức 1.143,69 điểm. HNX-INDEX tăng 0,62 điểm (+0,27%) lên 234,17 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực với 468 mã tăng giá (25 mã tăng trần), 205 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 115 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 17.164,17 tỷ đồng được giao dịch, tăng 12,29% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy thị trường đang cải thiện dần thanh khoản, nhiều mã, nhóm mã sau giai đoạn giảm giá mạnh vẫn đang luân phiên phục hồi. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 286,22 tỷ đồng trên HOSE, bán ròng ở nhóm bất động sản, ngân hàng; mua ròng khá tốt trên HNX với giá trị 50,11 tỷ đồng.

Sáng 10/10/2023, tại Chương trình chào mừng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) năm 2023, thủ tướng giao Ủy ban chứng khoán Nhà nước kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm sạch dữ liệu người tham gia giao dịch chứng khoán, hoàn thành trong tháng 11/2023; Ngân hàng Nhà nước giảm cường độ hút tiền với lượng tín phiếu phát hành giảm một nửa, lãi suất hạ xuống còn 1% trong phiên 9/10/2023. Như vậy NHNN đã có 13 phiên liên tiếp phát hành tín phiếu với tổng số tiền gần 145.700 tỷ đồng.

Thị trường không có nhiều điểm nhấn khi thanh khoản vẫn phục hồi nhẹ và ở mức thấp. Trong đó nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn chịu áp lực điều chỉnh, tiếp tục phục hồi với thanh khoản cải thiện hơn, đa số tăng giá khá tích cực như VIB (+2,37%), HBD (+2,05%), VCB (+1,77%), EIB (+1,73%)... ngoài các mã giảm nhẹ với VAB (-1,35%), TPB (-0,59%)...

Nhóm cổ phiếu xây lắp điện, điện có diễn biến khá tích cực nổi bật so với thị trường khi nhiều mã tăng mạnh, thanh khoản đột biến với PC1 (+3,15%), NT2 (+2,23%), POW (+2,23%), TTA (+1,79%)...

Các cổ phiếu vận tải biển, cảng biển cũng có diễn biến khá tích cực đầu phiên giao dịch, tuy nhiên kết phiên chịu áp lực điều chỉnh, phân hóa mạnh với một số mã vẫn tăng giá nhẹ như DXP (+2,24%), SGP (+2,13%), VSC (+1,49%), GMD (+0,15%)... và các mã giảm điểm như HAH (-1,36%), TCL (-0,39%), VOS (-0,37%) thể hiện áp lực bán ngắn hạn trong phiên chiều mạnh.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tương tự, đa số chịu áp lực bán trong phiên chiều tuy nhiên thanh khoản gia tăng mạnh hơn khi giảm điểm so với thanh khoản thấp ở những phiên phục hồi trước như FTS (-2,70%), SHS (-1,70%), BSI (-1,59%), SSI (-1,51%), VCI (-1,23%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với WSS (+3,12%), AGR (+1,53%), VIX (+0,65%)... Các nhóm ngành khác đều có diễn biến khá tương tự khi chịu áp lực bán trong cuối phiên chiều.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 tăng 12 điểm (+1,05%), mức chênh lệch thu hẹp âm -3,28 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI xu hướng tăng nhẹ. Cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm mạnh và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở khi có nhiều vị thế sinh lợi ngắn hạn tốt. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -4,88 điểm đến -9,88 điểm, mức chênh lệch thu hẹp. Cho thấy các trader có kỳ vọng tốt hơn với VN30, gia tăng các vị thế ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục hồi phục sau khi hình thành đáy điều chỉnh, đây là phiên thứ 3 liên tiếp VnIndex tăng điểm nhưng với việc VnIndex đã mất xu hướng uptrend trung hạn nên nhịp hồi phục sẽ mang tính kỹ thuật để đi tìm khu vực cân bằng mới. Chốt phiên giao dịch VnIndex tăng +6,33 điểm (+0,56%) và đóng cửa ở 1.143,69 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang có nhịp hồi phục, do nhịp điều chỉnh khá sâu vừa qua nên có thể nhịp hồi phục này sẽ tương đối mạnh dù chỉ mang tính kỹ thuật. Hiện tại chỉ số đã tiệm cận với vùng kháng cự tại 1.150 điểm, nếu vượt qua được thì mốc điểm tiếp theo sẽ là quanh vùng 1.170 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, với việc VnIndex thủng hỗ trợ 1.150 điểm và 1.135 điểm lần thứ 2 và hồi phục yếu xác nhận xu hướng uptrend của thị trường gần như đã kết thúc. Mặc dù vậy nhưng vận động thị trường trong trung hạn vẫn mang tính chất tích cực bởi nền tảng tích lũy và quá trình hình thành xu hướng uptrend trước đó là tin cậy, thị trường sẽ vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại và quá trình này sẽ mất nhiều thời gian.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn cần nhiều thời gian để xử lý. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi xung đột địa chính trị gia tăng, kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh lãi suất vẫn giữ ở mức cao. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hình thành khu vực tích lũy để chờ cơ hội hình thành uptrend mới là động thái vận động phù hợp.

Uptrend trung hạn đã xác nhận kết thúc, giai đoạn này thị trường sẽ hình thành các nhịp tăng, giảm đan xen để hướng tới đi ngang chệch chế dần. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể tham gia với tỷ trọng thấp trong nhịp rung lắc với kỳ vọng Vn-Index có nhịp hồi phục. Với nhà đầu tư trung, dài hạn mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, có thể tiếp tục nắm giữ danh mục đã cơ cấu tốt từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi và chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	48.10	43-45	55-57	41	12.1	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.45	13-14	17.5-18.2	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	48.50	46-48	57-59	43	7.4	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.89	19.5-21	25.5-26	18	13.1	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.00	24-25.6	29-30	22	10.1	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	22.50	18.5-20	24-25	17.5	21.7	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	48.00	43.5-46	61-63	41	4.6	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.60	28-29.5	34-35	27	7.9	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	38.70	38-38.7	44-46	35	6.0	-26.1%	-92.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	31.9	25.9	35-37	30	23.0%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	74.4	72.95	87-89	78	2.0%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.9	21.7	26-28	19	-3.8%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	48.0	45	61-63	43	6.7%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Lãi suất tín phiếu của Ngân hàng Nhà nước giảm mạnh**

Ngày 9/10, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thông báo đấu thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày. Có 10 thành viên tham gia đấu thầu, 4 thành viên trúng thầu. Khối lượng tín phiếu phát hành gần 5.000 tỷ đồng, lãi suất 1%/năm. Trong tuần trước (từ 2 đến 6/10), Ngân hàng Nhà nước đã hút ròng 46,9 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 28 ngày. Lãi suất trúng thầu là 1,3%; riêng phiên 6/10 giảm nhẹ còn 1,28%. Như vậy, lãi suất trong phiên 9/10 giảm mạnh so với tuần trước. Lũy kế từ 21/9 đến 9/10/2023, nhà điều hành đã hút ròng gần 145.700 tỷ đồng thông qua kênh tín phiếu.

Đề xuất tiếp tục tăng lương bù trượt giá sau năm 2024

Bộ Nội vụ đề xuất sau năm 2024 tiếp tục tăng lương bù trượt giá, góp phần cải thiện lương cán bộ, công chức, viên chức theo mức tăng trưởng kinh tế. Bộ đề xuất lộ trình cải cách tiền lương từ 1/7/2024 với 6 nội dung gồm xây dựng 5 bảng lương mới; chế độ phụ cấp; chế độ tiền thưởng; chế độ nâng bậc lương; nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương; quản lý tiền lương và thu nhập. Sau năm 2024, lương tiếp tục tăng đến khi mức lương thấp nhất của cán bộ, công chức, viên chức bằng hoặc cao hơn lương thấp nhất vùng 1 (vùng cao nhất trong 4 vùng lương tối thiểu). Hiện lương tối thiểu vùng 1 là 4,68 triệu đồng/tháng.

Thị trường văn phòng Việt Nam đối mặt biến động kinh tế toàn cầu

Thị trường văn phòng trên toàn cầu cũng như Việt Nam đang hứng chịu rất nhiều áp lực. Khách thuê văn phòng sau đại dịch vẫn chưa ổn định, mặc dù làn sóng trở lại làm việc tại văn phòng đã dần tăng lên... Trong thời gian tới, nguồn cung văn phòng mới chất lượng cao dồi dào làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các tòa nhà. Theo đó, một số chủ đầu tư đã có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút và giữ khách thuê. Theo Savills Việt Nam, nhu cầu văn phòng gần đây suy giảm do chịu tác động của một số yếu tố như xu hướng dịch chuyển nguồn cung ra khu vực ngoài trung tâm, sự đánh giá lại nguồn lực của một số khách thuê sau đại dịch và nhu cầu thay đổi...

Giá vàng thế giới tăng dữ dội, trong nước chậm nhịp

Giá vàng thế giới tăng mạnh do nhu cầu phòng ngừa rủi ro trước bất ổn bùng lên ở dải Gaza, nhưng giá vàng miếng trong nước sáng nay (10/10) tăng ít hơn. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước với thế giới vì thế rút ngắn đáng kể... Lúc gần 10h trưa, Công ty Bảo Tín Minh Châu niêm yết giá vàng miếng SJC cho thị trường Hà Nội ở mức 68,97 triệu đồng/lượng (mua vào) và 69,6 triệu đồng/lượng (bán ra). So với sáng qua, giá vàng miếng SJC tại doanh nghiệp này hiện tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 120.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

**TIN DOANH NGHIỆP**

Tập đoàn Lộc Trời (LTG) chốt danh sách phát hành hơn 20 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2022

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (mã chứng khoán LTG - UPCoM) mới công bố ngày 24/10 sẽ chốt quyền trả cổ tức năm 2022. Theo đó, Lộc Trời dự kiến phát hành hơn 20,1 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 25% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 25 cổ phiếu mới). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá hơn 201,48 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm ngày 31/12/2022 trên BCTC năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Trong giai đoạn qua, cổ phiếu của Lộc Trời có diễn biến đồng pha với tình hình xuất khẩu gạo tích cực của Việt Nam. Kể từ đầu tháng 6 đến nay, cổ phiếu LTG đã tăng tới hơn 30% giúp cổ phiếu đạt 38.000 đồng/CP khi đóng cửa phiên ngày 10/10.

Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR): 9 tháng đạt 3,5 lần kế hoạch lợi nhuận năm

Theo báo cáo của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (mã BSR - UPCoM), kết quả kinh doanh tháng 9 và 9 tháng đầu năm của Công ty tích cực hơn nhiều so với kế hoạch được phê duyệt. Theo đó, sản lượng sản xuất tháng 9 ước đạt 607.738 tấn, sản lượng tiêu thụ đạt 635.920 tấn, tăng 31% và 38% so với kế hoạch. Về hiệu quả kinh doanh, tháng 9, doanh thu hợp nhất ước đạt 14.788 tỷ đồng, đạt 188% so với kế hoạch tháng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu hợp nhất đạt 109.100 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2003 là 11%. Lợi nhuận trước thuế tháng 9 ước đạt 1.119 tỷ đồng, gấp 7,48 kế hoạch tháng. Lũy kế 9 tháng, Công ty đạt 6.367 tỷ đồng, bằng 3,5 lần kế hoạch năm.

ADS sẽ nhận tài trợ tới 70% vốn từ Agribank cho dự án cụm công nghiệp Ninh An

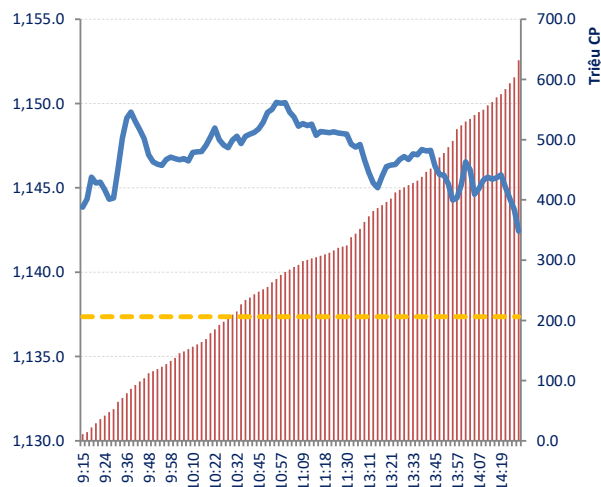
CTCP Damsan (HOSE: ADS) ngày 05/10 đã ký kết hợp tác cùng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh Thái Bình, trong đó có cam kết tài trợ với tỷ lệ tới 70% vốn cho việc phát triển Cụm công nghiệp (CCN) Ninh An. Cụ thể, Agribank dự kiến tài trợ 70% chi phí đầu tư phát triển CCN Ninh An - Thái Bình do ADS làm chủ đầu tư, đồng thời cung cấp, hỗ trợ một số sản phẩm dịch vụ tín dụng khác.

KIDO (KDC) nâng sở hữu Thọ Phát lên 68% chỉ sau 3 tháng

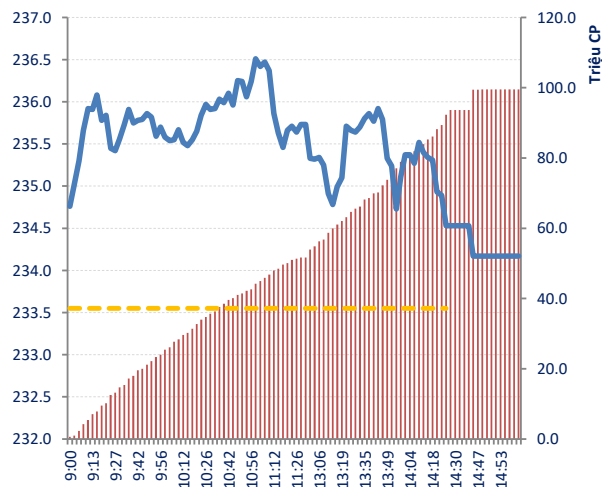
Tập đoàn KIDO (KDC) chính thức nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thọ Phát Quốc tế (Thọ Phát Quốc tế) từ 25% lên 68% chỉ sau hơn 3 tháng. Qua đó, KIDO đặt mục tiêu phát triển 1.000 Đại lý, 1.200 Cửa hàng Mini Bao, 100.000 điểm bán lẻ và 100% cửa hàng MT trên toàn quốc, đưa Thọ Phát trở thành “Bếp ăn quốc dân”, đáp ứng đa nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu sang ít nhất 30 quốc gia trên thế giới. Trước đó, vào tháng 6/2023, KIDO đã đầu tư vào Công ty cổ phần Thọ Phát Quốc tế với tỷ lệ sở hữu 25% và đến 23/8 đã nâng tỷ lệ sở hữu lên 51%, nắm quyền chi phối thương hiệu bánh bao Thọ Phát.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

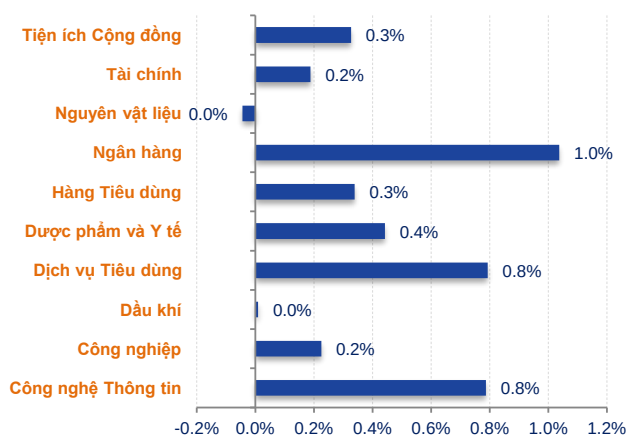
KLGD và VN-Index trong phiên



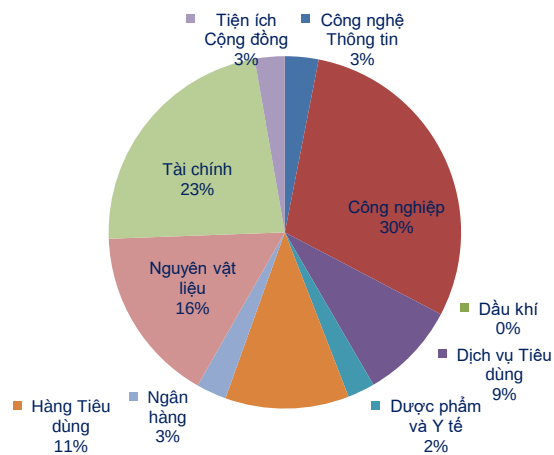
KLGD và HNX-Index trong phiên



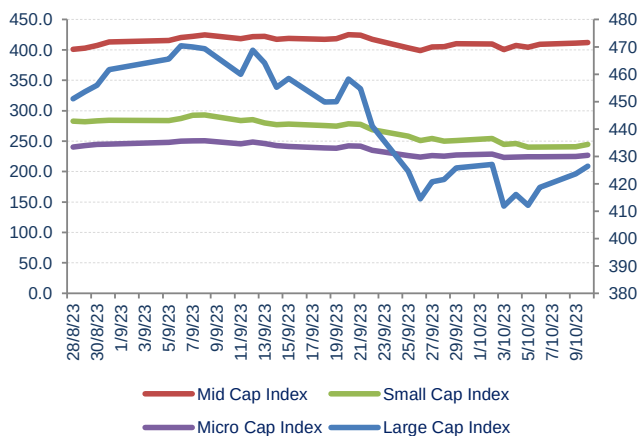
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



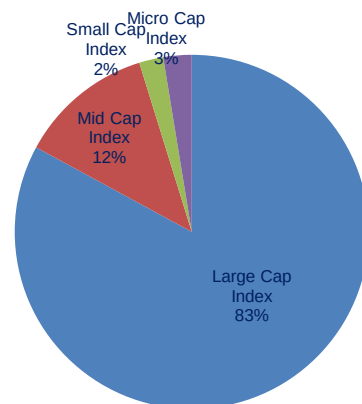
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	2,466,493	VPB	3,857,112	1	IDC	740,100	TNG	131,200
2	STB	611,252	VHM	1,408,300	2	PVS	300,100	CEO	50,900
3	VND	403,845	FUEVFNVD	1,147,300	3	TIG	280,600	NVB	50,000
4	PVD	389,900	GVR	855,800	4	BVS	127,900	PSD	47,200
5	SBT	362,600	SHB	812,372	5	VIG	80,300	PVI	17,470

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.45	15.55	↑ 0.65%	31,678,400	SHS	17.60	17.30	↓ -1.70%	24,511,764
SSI	33.20	32.70	↓ -1.51%	28,679,700	MBS	22.40	22.50	↑ 0.45%	7,409,665
VND	21.60	21.40	↓ -0.93%	25,676,900	CEO	19.80	19.60	↓ -1.01%	7,171,004
HPG	25.50	26.00	↑ 1.96%	20,145,700	HUT	23.30	23.00	↓ -1.29%	6,103,852
GEX	20.45	20.70	↑ 1.22%	17,644,400	PVS	38.20	37.80	↓ -1.05%	4,664,283

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJF	3.00	3.21	0.21	↑ 7.00%	WCS	170.00	187.00	17.00	↑ 10.00%
COM	30.05	32.15	2.10	↑ 6.99%	PHN	44.00	48.40	4.40	↑ 10.00%
TLĐ	4.58	4.90	0.32	↑ 6.99%	PIA	25.20	27.70	2.50	↑ 9.92%
OGC	5.60	5.99	0.39	↑ 6.96%	CET	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
HU1	8.05	8.61	0.56	↑ 6.96%	PCH	7.20	7.90	0.70	↑ 9.72%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ADP	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%	SGC	65.00	58.50	-6.50	↓ -10.00%
L10	21.70	20.20	-1.50	↓ -6.91%	DAE	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
RDP	12.05	11.25	-0.80	↓ -6.64%	KHS	20.40	18.40	-2.00	↓ -9.80%
LM8	13.30	12.50	-0.80	↓ -6.02%	VHL	16.50	14.90	-1.60	↓ -9.70%
DTA	7.23	6.80	-0.43	↓ -5.95%	PMS	26.30	23.90	-2.40	↓ -9.13%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	31,678,400	7.0%	839	18.4	1.2
SSI	28,679,700	7.3%	1,093	30.4	2.3
VND	25,676,900	3.9%	467	46.3	1.7
HPG	20,145,700	-2.0%	(328)	-	1.5
GEX	17,644,400	1.6%	385	53.2	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,511,764	4.3%	507	34.7	1.5
MBS	7,409,665	10.0%	1,037	21.6	2.1
CEO	7,171,004	7.7%	905	21.9	1.6
HUT	6,103,852	1.3%	124	188.3	5.3
PVS	4,664,283	7.2%	1,953	19.6	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	↑ 7.0%	0.4%	41	74.1	0.3
COM	↑ 7.0%	-2.2%	(657)	-	1.0
TLD	↑ 7.0%	0.9%	94	48.6	0.4
OGC	↑ 7.0%	9.7%	349	16.0	1.5
HU1	↑ 7.0%	1.0%	153	52.5	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WCS	↑ 10.0%	28.9%	22,947	7.4	2.0
PHN	↑ 10.0%	29.9%	5,411	8.1	2.3
PIA	↑ 9.9%	21.0%	3,389	7.4	1.7
CET	↑ 9.9%	1.6%	181	44.8	0.7
PCH	↑ 9.7%	3.8%	410	17.6	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	2,466,493	-2.0%	(328)	-	1.5
STB	611,252	17.2%	3,601	8.7	1.4
VND	403,845	3.9%	467	46.3	1.7
PVD	389,900	1.8%	449	59.1	1.0
SBT	362,600	5.4%	726	19.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	740,100	20.7%	3,969	12.0	2.5
PVS	300,100	7.2%	1,953	19.6	1.4
TIG	280,600	7.6%	1,091	9.9	0.7
BVS	127,900	8.3%	2,576	10.1	0.8
VIG	80,300	6.9%	487	16.4	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,837	23.0%	5,797	14.6	3.1
BID	212,205	19.0%	4,025	10.4	1.9
VHM	204,655	29.1%	10,341	4.5	1.2
GAS	198,898	20.3%	5,567	15.6	2.9
VIC	172,390	3.9%	1,395	32.4	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,796	1.3%	124	188.3	5.3
PVS	18,258	7.2%	1,953	19.6	1.4
IDC	15,675	20.7%	3,969	12.0	2.5
SHS	14,312	4.3%	507	34.7	1.5
THD	13,783	2.9%	458	78.1	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.85	-0.4%	(63)	-	0.6
AGM	3.46	-50.2%	(10,382)	-	0.5
PIT	3.19	0.5%	45	160.4	0.9
LDG	2.87	-5.5%	(693)	-	0.3
GEX	2.82	1.6%	385	53.2	0.8

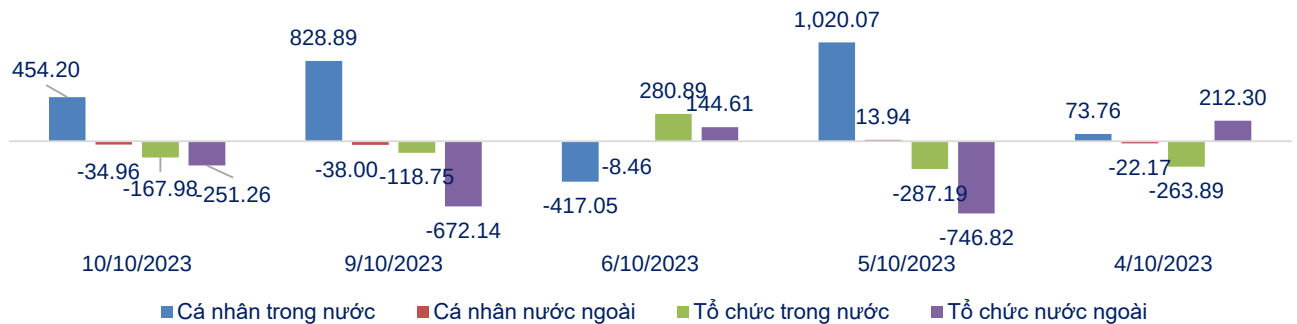
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.94	2.4%	261	86.2	2.1
VC2	2.80	3.9%	558	19.9	0.8
AAV	2.69	-1.4%	(169)	-	0.4
HBS	2.65	3.2%	392	20.7	0.7
IDJ	2.57	5.8%	656	9.3	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	127.20	11.1%	1,728	12.4	1.3
VHM	62.34	29.1%	10,341	4.5	1.2
FPT	50.02	22.1%	4,596	20.8	4.2
EIB	36.85	12.2%	1,462	11.8	1.4
FRT	34.24	-2.3%	(327)	-	7.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-75.21	17.2%	3,601	8.7	1.4
HPG	-64.95	-2.0%	(328)	-	1.5
MBB	-30.73	22.3%	3,496	5.2	1.1
ACB	-29.50	24.1%	4,506	5.0	1.4
PTB	-28.76	12.8%	5,301	11.3	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	3.38	18.6%	2,686	6.3	1.2
IDI	1.26	4.5%	673	20.7	0.9
VIX	1.21	7.0%	839	18.4	1.2
SMB	1.19	24.5%	4,932	7.7	1.8
CSV	0.99	17.8%	5,821	7.9	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	-16.31	5.3%	714	28.6	1.5
FRT	-4.96	-2.3%	(327)	-	7.4
DGC	-4.19	36.6%	10,780	9.0	3.1
VND	-3.79	3.9%	467	46.3	1.7
DCM	-2.28	21.5%	4,286	8.7	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	55.95	17.2%	3,601	8.7	1.4
FUEVFVND	31.38	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	30.73	22.3%	3,496	5.2	1.1
ACB	29.50	24.1%	4,506	5.0	1.4
PTB	29.22	12.8%	5,301	11.3	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-46.35	22.1%	4,596	20.8	4.2
VPB	-44.39	11.1%	1,728	12.4	1.3
EIB	-36.03	12.2%	1,462	11.8	1.4
MWG	-30.23	6.6%	1,069	44.9	3.0
VDP	-26.18	13.1%	4,969	7.5	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	64.83	-2.0%	(328)	-	1.5
STB	19.14	17.2%	3,601	8.7	1.4
GMD	12.93	26.9%	7,569	8.7	2.1
VND	12.47	3.9%	467	46.3	1.7
VCB	10.86	23.0%	5,797	14.6	3.1

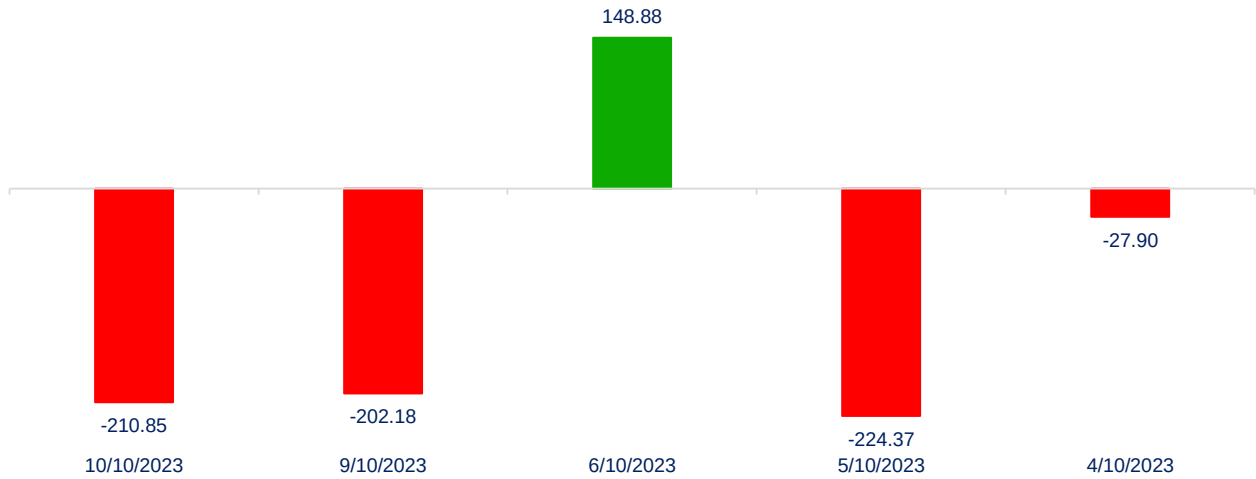
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-82.08	11.1%	1,728	12.4	1.3
VHM	-67.51	29.1%	10,341	4.5	1.2
FRT	-34.40	-2.3%	(327)	-	7.4
FUEVFVND	-30.39	N/A	N/A	N/A	N/A
SAB	-21.67	17.8%	3,518	19.6	3.5

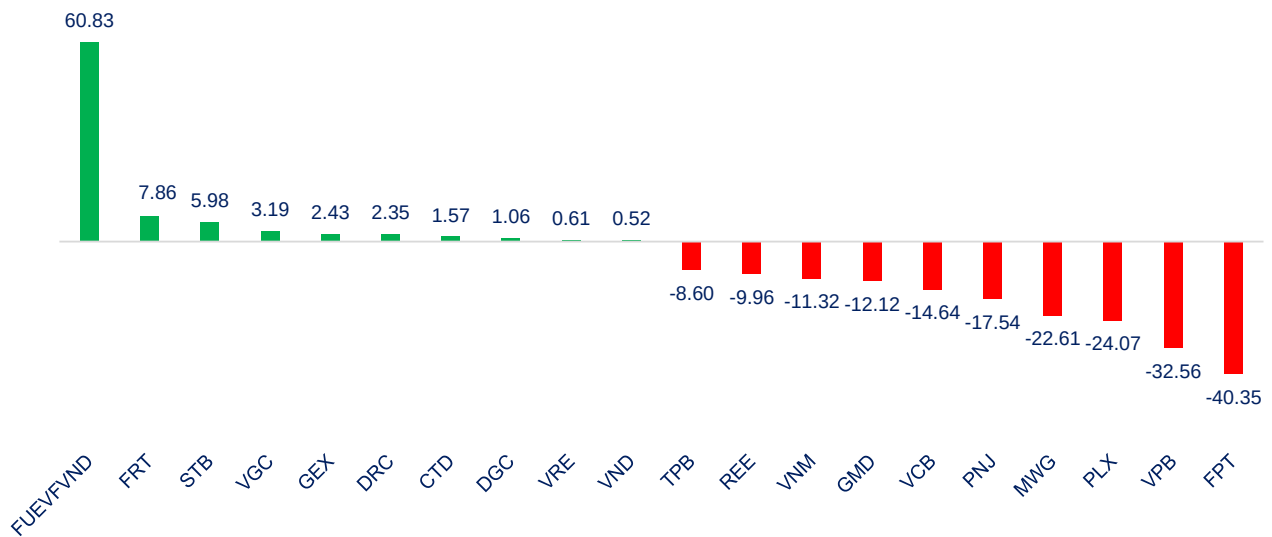


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn